

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Mô n Học c : Bm qu t má y n-207401

Ngày thi : 22/01/15 Giờ thi: 12g15 - phú t Phò ng thi RD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyên	Tô trỏ n điể m phầ n lẻ
						20	30	50			
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	AI	DH12NL		1,7	2,3	2,7	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12137002	LÊ HÙNG	CƯỜNG	DH12NL		1,7	2,3	1,7	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12137015	LÊ VĂN	DUY	DH12NL		1,7	2,2	1,1	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12137012	NGUYỄN VĂN	ĐUA	DH12NL		1,8	2,4	3,4	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12137021	PHẠM ĐỨC	HUY	DH12NL		1,8	2,4	1,7	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12137023	LƯU ĐÌNH	HƯNG	DH12NL		1,7	2,5	1,3	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12137028	NGUYỄN VĂN	KHOA	DH12NL		1,1	1,8	1,9	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12137032	PHẠM PHÚ	LÂN	DH12NL		1,7	1,8	1,2	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12137007	VŨ ĐÌNH	LỊCH	DH12NL		1,1	2,2	2,9	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12137005	NGÔ VĂN	MINH	DH12NL		1,7	1,8	1,1	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12137034	VÕ THANH	NHANH	DH12NL		1,7	2,1	2,0	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12137054	BÙI VĂN	PHÚC	DH12NL		1,8	2,4	2,4	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12137035	TẠ NHẬT	QUANG	DH12NL		1,8	2,8	2,7	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12137041	ĐOÀN NHẬT	THĂNG	DH12NL		1,7	2,3	2,2	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12137042	NGUYỄN VĂN	THĂNG	DH12NL		1,7	1,8	1,3	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12137046	BÙI ANH	THƯƠNG	DH12NL		1,7	2,3	0,9	4,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12137058	NGÔ HỮU	TOÀN	DH12NL		1,7	2,6	1,8	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12137057	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	DH12NL		1,7	2,7	3,3	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Bơm qua t má y n-207401

Ngày Thi : 22/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi RD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô trỏ n điểm m phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm m phầ n lẻ
						20	30	50			
19	12137051	PHẠM ANH TUẤN	DH12NL	<i>Tuấn</i>		1,8	2,4	3,1	7,3	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL	<i>Vinh</i>		1,8	2,2	2,1	6,1	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 0

Hiện diện : 20

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Phạm Minh Hiền

TS. Vũ Thị Ngọc

Nguyễn Hải Đăng

Vũ Thị Ngọc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tia bin hơi- khí -207420

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi RD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 30	Đ 2 (%) 20	Điểm thi 50	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	ÁI	DH12NL	Đỗ Hoàng	9	6,5	8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12137002	LÊ HÙNG	CƯỜNG	DH12NL	Lê Hùng	9	6,5	8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12137015	LÊ VĂN	DUY	DH12NL	Lê Văn	8,5	9	7,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137012	NGUYỄN VĂN	ĐUA	DH12NL	Nguyễn Văn	8	8	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC	HÒA	DH10NL	Thái Nguyễn Ngọc	8,5	9	7,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137021	PHẠM ĐỨC	HUY	DH12NL	Phạm Đức	8,5	8,5	6,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137023	LƯU ĐÌNH	HƯNG	DH12NL	Lưu Đình	8,5	9	6,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137028	NGUYỄN VĂN	KHOA	DH12NL	Nguyễn Văn	8	7	5,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137032	PHẠM PHÚ	LÂN	DH12NL	Phạm Phú	8	7	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12137007	VŨ ĐÌNH	LỊCH	DH12NL	Vũ Đình	8,5	9	8	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137019	PHAN VĂN	LINH	DH12NL	Phan Văn	8	8	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137005	NGÔ VĂN	MINH	DH12NL	Ngô Văn	8,5	9	6,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137048	NGÔ HỮU	NGHĨA	DH10NL	Ngô Hữu	9	6,5	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137034	VŨ THANH	NHANH	DH12NL	Vũ Thanh	8	7	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137054	BÙI VĂN	PHÚC	DH12NL	Bùi Văn	8	8	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12137036	LÊ HỮU	PHƯỚC	DH12NL	Lê Hữu	8	7	8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12137035	TA NHẬT	QUANG	DH12NL	Ta Nhật	8	7	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10137057	NGUYỄN DUY	THÀNH	DH10NL	Nguyễn Duy	8,5	8,5	7,5	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Tia bin hơi- khí -207420

Ngày thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi RD303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12137041	DOÀN NHẬT THẮNG	DH12NL	<i>Thắng</i>	30	9	6,5	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL	<i>Thắng</i>		8,5	8,5	8	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL	<i>Thế</i>		8,5	8,5	8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL	<i>Thương</i>		9	6,5	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12137058	NGÔ HỮU TOÀN	DH12NL	<i>Toàn</i>		9	6,5	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL	<i>Trọng</i>		8	8	6,5	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12137051	PHẠM ANH TUẤN	DH12NL	<i>Tuấn</i>		8	8	8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL	<i>Vinh</i>		8,5	8,5	7	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Li Quang Cường

Li Quang Cường

TS. Nguyễn Huy Bích

Li Quang Cường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Trồng n. nhiệt đới-207419

Ngày thi : 08/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG ÁI	DH12NL	<i>Ái</i>	20	9	9	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL	<i>Duy</i>	20	7	8,5	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL	<i>Hòa</i>	20	6,5	8	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137021	PHẠM ĐỨC HUY	DH12NL	<i>Huy</i>	20	10	9,5	8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL	<i>Hung</i>	20	6,5	8	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137028	NGUYỄN VĂN KHOA	DH12NL	<i>Khoa</i>	20	7,5	5,5	8,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL	<i>Lân</i>	20	5	8	9,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL	<i>Lịch</i>	20	6,5	8,5	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137019	PHAN VĂN LINH	DH12NL	<i>Linh</i>	20	6	7,5	6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL	<i>Trí</i>	20	7	8	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL	<i>Minh</i>	20	6	7,5	5,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137034	VŨ THANH NHANH	DH12NL	<i>Nhanh</i>	20	6,5	8	5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL	<i>Phuoc</i>	20	9,5	9,5	8	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137057	NGUYỄN DUY THÀNH	DH10NL	<i>Thanh</i>	20	10	9,5	9,5	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL	<i>Thang</i>	20	5	7,5	9	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL	<i>The</i>	20	9,5	9,5	6	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL	<i>Thuong</i>	20	8	7	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09137015	PHAN NGỌC TRI	DH09NL17	<i>Tri</i>	20	8	8,5	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Trồng n. nhiệt-207419

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lũy	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL		10	9,5	8	8,1		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL		5	5	7,5	6,5		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 0

Hiện diện : 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Trung Nam

TS. Nguyễn Huy Bích

Lê Quang Cường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (25%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	<i>Đức</i>		9	7	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138009	NGÔ HOÀNG	DH12TD	<i>Ngô</i>		8	5	6	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153001	NGUYỄN QUỐC	DH10CD	<i>Quốc</i>		7	9	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153029	CHÂU THÁI	DH12CD	<i>Châu</i>		8	8	5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153028	DƯƠNG GIA	DH12CD	<i>Gia</i>		8	4	8	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153033	NGUYỄN TIỂU	DH12CD	<i>Tiểu</i>		9	8	6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138025	PHẠM THANH	DH12TD	<i>Thanh</i>		7	9	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153001	TRẦN QUỐC	BỮU	<i>Quốc</i>		5	8	7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153031	LÊ VĂN	CÁNH	<i>Canh</i>		9	8	7	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153039	LƯƠNG HOÀNG	CHƯƠNG	<i>Chương</i>		9	4	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153041	NGUYỄN CHỈ	CƯỜNG	<i>Chỉ</i>		9	6	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153043	HỒ THÀNH	DANH	<i>Thành</i>		8	4	6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153053	DƯƠNG NGỌC	ĐA	<i>Ngọc</i>		9	5	4	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153018	ĐINH PHÚC	ĐẠI	<i>Phúc</i>		8	7	10	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153187	HỒ HỮU	ĐẠT	<i>Hữu</i>		9	5	3	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153004	TRẦN VĂN	ĐẠT	<i>Văn</i>		0	9	6	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153167	TRƯƠNG PHÁT	ĐẠT	<i>Phát</i>		9	8	8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153016	TRẦN THANH HIẾU	ĐẾ	<i>Hiếu</i>		9	7	9	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154205	NGÔ HỒ	ĐIỆP	Diệp		9	8	7	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12153059	HỒ ANH	ĐỒNG	Đ		7	8	6	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12153062	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	Đức		6	5	4	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	EM	Đ		9	8	5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12153065	TRẦN VĂN	HÀNH	Trần Văn		9	5	8	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12153018	DƯƠNG SỸ	HÀNH	Đ						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12153168	PHAN PHỤNG	HIỆP	Hiệp		9	0	7	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12153174	NGUYỄN KHẮC	HÒA	Hòa		9	8	6	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12153037	NGUYỄN AN	HOÀI	Hoài		9	6	5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12154005	LÊ TẤN	HOÀN	Le Tan		9	9	10	9,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12153079	VŨ VĂN HUY	HOÀNG	Long Tan		9	7	6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12153084	NGUYỄN HOÀNG	HUY	Đ						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	09153007	NGUYỄN VĂN	HUYNH	huy nh		0	0	4	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12153046	VŨ QUANG	HƯNG	huy		8	6	7	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	11153019	LÊ HOÀNG	KHẢI	kh		9	0	4	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12153177	TRẦN QUỐC	KHANH	kh		8	0	7	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	kh		5	7	10	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12153090	NGUYỄN MINH	KHOẢNH	kh		9	6	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm môn	Tổng điểm môn
						25	25	50%			
37	10153020	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH10CD	<i>Kien</i>		8	6	5	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12153189	TẠ DUY LONG	DH12CD	<i>Long</i>		8	6	8	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	08154017	SẦN SỬU	DH08OT17	<i>Suu</i>						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12153179	ĐÌNH QUANG	DH12CD	<i>Quang</i>		9	6	4	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD	<i>Minh</i>		7	8	5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD	<i>Minh</i>		9	7	5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	12153006	TRƯƠNG HOÀI NAM	DH12CD	<i>Nam</i>		8	6	4	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD	<i>Nghe</i>		5	8	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12153191	NGUYỄN GIA NGHĨA	DH12CD	<i>Nghe</i>		9	6	5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12138123	NGUYỄN TẤN NGHIÊM	DH12TD	<i>Tan</i>		6	4	6	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH12OT	<i>Ngoc</i>		9	9	8	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	10153071	PHẠM KHẢ NGUYỄN	DH10CD	<i>Nguyen</i>		7	9	5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD	<i>Nhan</i>		9	6	5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN PHÁT	DH12CD	<i>Phat</i>		9	9	9	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD	<i>Phong</i>		9	8	4	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD	<i>Phong</i>		9	8	3	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH12OT	<i>Phu</i>		0	9	6	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	12153068	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	DH12CD	<i>Phuoc</i>		9	8	8	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 25	Đ 2 (%) 25	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
55	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD	<i>Quang</i>		9	7	7	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12153070	VŨ HIỀN	DH12CD	<i>Hiền</i>		8	6	5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12138091	LÊ VIỆT SƠN	DH12TD	<i>Sơn</i>		8	6	5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD	<i>Tài</i>		8	6	4	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13138183	VŨ MINH TÂM	DH13TD	<i>Tâm</i>		5	9	8	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	DH12CD	<i>Thông</i>		9	6	4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thành</i>		9	5	2	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thành</i>		9	9	5	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>		5	7	6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>		7	5	5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>		9	7	5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD	<i>Thịnh</i>		6	7	7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD	<i>Thoa</i>		9	7	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD	<i>Thuyết</i>		9	7	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CD	<i>Tình</i>		8	6	9	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD	<i>Toàn</i>		9	4	7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD	<i>Toàn</i>		8	6	6	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD	<i>Toàn</i>		9	4	8	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
73	10154049	DƯƠNG MẠNH TRÍ	DH100T			9	6	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
74	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD			4	7	9	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
75	10153083	TRẦN THIÊN TRƯỜNG	DH10CD			8	9	5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
76	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD			9	8	8	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
77	12153157	NGUYỄN ANH TUẤN	DH12CD			7	4	6	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
78	12153160	PHẠM VĂN VIỆN	DH12CD			9	7	9	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
79	12153126	TRƯƠNG QUANG VŨ	DH12CD			9	6	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 3

Hiệu điểm: 76

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Nga

Cao Đức Lợi

Vương Đình Bui

Trần Thị Kim Nga

Ngô Hùng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi RD101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết t.	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD		1	6	6	5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD		1	6	6	2	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DH12TD		1	9	4	7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD		1	6	9	4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD		1	9	9	7	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12OT		1	0	5	1	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138060	PHAN HỒNG HẢI	DH13TD		1	6	7	8	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154048	TRẦN TRUNG HẬU	DH12OT		1	0	0	6	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	DH12TD		1	0	0	3	1,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138047	DƯƠNG VĂN HOÀN	DH12TD		1	8	8	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153175	LƯU GIA HUẤN	DH12CD		1	6	8	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD		1	7	9	5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD		1	8	7	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT		1	8	6	5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11138008	HỒ VĂN HƯNG	DH11CD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD		1	6	5	3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154066	TRẦN CÔNG KHANG	DH12OT		1	6	0	3	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153125	NGUYỄN MINH KHANH	DH13CD		1	9	7	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi RD101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH12OT	<i>BK</i>	1	8	9	10	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH12OT	<i>DK</i>	1	8	8	9	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08154052	NGUYỄN QUANG KHÁNH	DH08OT17	<i>QK</i>	1	7	0	6	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD	<i>AK</i>	1	6	0	6	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH12OT	<i>Choa</i>	1	8	8	7	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153092	NGUYỄN ANH KIẾT	DH12CD	<i>Ku</i>	1	7	8	7	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154032	TRƯƠNG THÀNH LONG	DH13OT	<i>Luo</i>	1	7	9	7	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD	<i>Phuoc</i>	1	6	0	6	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH12OT	<i>Th</i>	1	8	7	4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 01 Hiện diện : 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng. Đăng Khoa

Li Quang Hien

Vũ Ngọc Bình

Trần Đức Khoa

Ng. Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi T2

Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
1	12154239	NGUYỄN VĂN LUẬN	DH12OT			0	0	2	1,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD			6	5	4	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138141	NGUYỄN HUỖNH NHƯÔNG	DH13TD			9	8	3	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138152	HOÀNG XUÂN PHÚ	DH13TD			9	0	4	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138153	HUỖNH HOÀNG PHÚ	DH13TD			8	6	8	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138154	HUỖNH VĂN PHÚC	DH13TD			5	5	7	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT			6	6	0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138167	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	DH13TD			7	5	7	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD			8	6	3	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH12OT			8	0	6	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH12OT			8	8	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH12OT			6	5	7	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH12OT			6	7	9	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD			6	9	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD			6	0	6	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD			5	5	7	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT			9	8	6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD			0	6	4	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi T2 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12153146	NGUYỄN LÝ THỜI	DH12CD	<i>phul</i>		7	6	4	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT	<i>ngt</i>		8	6	4	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154018	NGUYỄN VĂN TRANG	DH12OT	<i>ngv</i>		8	8	9	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138233	TRƯƠNG MINH TRUNG	DH13TD	<i>ltm</i>		0	6	6	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154154	KIM THANH TUẤN	DH12OT	<i>kt</i>		6	0	3	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH12OT	<i>ngv</i>		6	0	6	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154241	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	DH12OT	<i>ngd</i>		0	5	2	2,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153051	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DH10CD	<i>nt</i>		8	0	5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 0

Hiệu điểm : 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Nguyễn Văn Xuyến

Vũ Thị Bình

Trần Thị Kim Nga

Nguyễn Hoàng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD205 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	AR			0,8	5,1	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	TRẦN ĐỨC ANH			0,9	4,8	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138027	BÙI MINH BẢO	DH13TD	V				V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	TRẦN ĐỨC BẢO			0,8	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	BUI			0,8	3,1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH	DH12TD	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH			0,8	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD	NGUYỄN TUẤN CHÍNH			0,7	2,6	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD	CHUNG			0,6	2,3	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	NGÔ THẾ CHUNG			0,8	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD	V				V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154052	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT	DUY			0,8	4,3	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD	DUY			0,8	5,2	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	PHAN TIẾN ĐẠT			0,8	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138068	LÊ HOÀNG ĐU	DH12TD	LÊ HOÀNG ĐU			0,8	9,0	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD	V				V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	HẢO			0,7	2,3	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138046	NGUYỄN THẾ HIỀN	DH12TD	HIỀN			0,8	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD	HOÀN			0,5	6,3	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi HD205 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô trỏ n điểm phần nguyên	Tô trỏ n điểm phần lẻ
19	12138098	PHAN HUY	HOÀNG	DH12TD	<i>R</i>			0,8 7,2 7,3		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	12138042	HOÀNG PHI	HÙNG	DH12TD	<i>W</i>			0,8 8,3 8,3		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12138055	HUỖNH TÂN	HÙNG	DH12TD	<i>Hung</i>			0,8 3,4 3,9		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
22	12153176	ĐOÀN TỔ	HỮU	DH12CD	<i>ghe</i>			0,8 6,0 6,2		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12138071	TRẦN VŨ NAM	KHA	DH12TD	<i>Zhu</i>			0,8 5,7 6,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	12138058	NGUYỄN XUÂN	KHÁ	DH12TD	<i>KS</i>			0,8 3,4 3,9		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
25	12138121	LÊ PHÚC	KHÁNH	DH12TD	<i>Phuc</i>			0,8 6,6 6,7		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12138062	TẶNG VÕ	LÂM	DH12TD	<i>hao</i>			0,7 7,5 7,5		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	12138118	DƯƠNG HỒNG	LINH	DH12TD	<i>linh</i>			0,8 7,2 7,3		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	12138066	ĐẶNG TIỂU	LONG	DH12TD	<i>Long</i>			0,7 2,5 3,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	12138072	DƯƠNG VĂN	LỘC	DH12TD	<i>vanhu</i>			0,9 3,2 3,8		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
30	12138069	NGUYỄN BÀ	LỘC	DH12TD	<i>ba</i>			0,8 6,8 6,9		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
31	12138075	NGUYỄN HUY	MINH	DH12TD	<i>Minh</i>			0,7 3,2 3,5		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng : 0

Hiệu n điểm n : 0

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhận n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Le Văn Bân

Ng Hoàng Khoa

Ng Hoàng Khoa

Le Văn Bân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật đo lường, cá m biển n-207503

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD305 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD					9,0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD					0,7	1,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	12138131	LÊ QUANG	DH12TD					0,5	4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	12138044	PHẠM PHÚC	DH12TD					0,8	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12153088	ĐẶNG HOÀNG	DH12CD					0,7	2,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	12153128	LÊ HỒNG	DH12CD					0,8	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12138004	HUỲNH	DH12TD					0,8	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD					0,8	8,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	12138067	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD		✓			0,9	4,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD					✓	✓	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13138206	NGUYỄN HOÀNG THI	DH13TD					0,8	2,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	12138129	NGUYỄN CÔNG THUẬN	DH12TD					0,8	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	12138099	NGUYỄN ĐÌNH THY	DH12TD					0,9	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	12138013	TRẦN MINH TIẾN	DH12CD					0,7	4,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13138220	TRƯƠNG TẤN TÍNH	DH13TD					0,5	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12153194	ĐẶNG MINH TRỌN	DH12CD					0,8	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	12138005	LÊ THÀNH TRUNG	DH12TD					0	1,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	12138130	PHẠM VIỆT TRUNG	DH12TD					0,9	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
								0,8	4,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật đo lường, cảm biến-207503

Ngày thi : 08/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD305 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thí	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154043	DƯƠNG NHẬT	TRƯỜNG	DH12OT	<i>Truong</i>			3,2	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138234	NGUYỄN PHAN HAI	TRƯỜNG	DH13TD	<i>Truong</i>			3,2	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138103	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	DH12TD	<i>Pham</i>			2,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138134	VÕ ĐÌNH	TRƯỜNG	DH12TD	<i>Vu</i>			2,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138132	LÊ ĐẮC	TUẤN	DH12TD	<i>Le</i>	✓	✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138104	PHẠM VĂN	TUẤN	DH12TD	<i>Pham</i>			3,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138087	TRƯƠNG THỊ	TUYẾT	DH12TD	<i>Truong</i>			3,2	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138083	BÙI MINH	VI	DH12TD	<i>Vi</i>			3,2	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138111	NGÔ VĂN	VIÊN	DH12TD	<i>Vien</i>			2,0	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12149092	HOÀNG VĂN	VIẾT	DH12TD	<i>Viêt</i>			3,4	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138006	NGUYỄN HOÀNG	VIẾT	DH12TD	<i>Nhu</i>			2,5	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138007	VÕ QUỐC	VINH	DH12TD	<i>Vu</i>			2,8	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	VŨ	DH12TD	<i>Tran</i>			1,5	1,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 2 Hiện diện: 29

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Le Quang Hien

Phan Minh Hien

Bui Huy Bich

Le Van Ban

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật Trồng cây ăn quả & thu hoạch - 207504

Ngày Thi : 16/01/15 Giờ thi : 07g00 - phút Phông thí PV325 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	<i>Anh</i>		8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ ANH	DH12OT	<i>Anh</i>		8	8	8	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD	<i>Gia</i>		8	8	6	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD	<i>Pham</i>		3	3	3	3.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD	<i>Tran</i>		8	8	8	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD	<i>Canh</i>		6	6	6	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD	<i>Chinh</i>		3	3	3	3.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠN	DH12CD	<i>Luong</i>		2	2	2	2.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG DƯƠNG	DH12TD	<i>Duong</i>		8	8	6	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>Da</i>		8	8	5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>Dat</i>		3	3	3	3.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12153059	HỒ ANH ĐỒNG	DH12CD	<i>Hong</i>		8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK	<i>Gap</i>		8	8	8	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12153018	DƯƠNG SỸ HẠNH	DH12CD							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12153168	PHAN PHỤNG HIỆP	DH12CD	<i>Hiep</i>		8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK	<i>Hiep</i>		8	8	8	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12344169	LÊ MINH HÓA	CD12CI	<i>Hiep</i>		8	8	8	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH12OT	<i>Hiep</i>		7	7	7	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực - 207504

Ngày thi : 16/01/15 Giờ thi : 07g00 - phút : Phỏng thi PV325 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô trả n điểm phần nguyên	Tô trả n điểm phần lẻ
19	12138003	NGUY HUY HÙNG	DH12TD	<i>Phm</i>		6	6	6	6.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	12138053	VŨ QUANG HÙNG	DH12TD	<i>thung</i>		3	3	3	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	12137021	PHẠM ĐỨC HUY	DH12NL	<i>Đức Huy</i>		8	8	8	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12153105	QUÁCH TRỌNG HUY	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	12153046	VŨ QUANG HÙNG	DH12CD	<i>Quang</i>		8	8	5	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	12153176	ĐOÀN TỔ HỮU	DH12CD	<i>Tổ Hữu</i>		8	8	8	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12138058	NGUYỄN XUÂN KHÁ	DH12TD	<i>Xuân</i>		2	2	2	2.0	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	12153177	TRẦN QUỐC KHANH	DH12CD	<i>Quốc Khanh</i>		2	2	2	2.0	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	12153074	TRẦN TRỌNG KHIÊM	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	12137028	NGUYỄN VĂN KHOA	DH12NL	<i>Khoa</i>		8	8	6	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	12153092	NGUYỄN ANH KIẾT	DH12CD	<i>Anh Kiệt</i>		6	6	6	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	12153189	TẠ DUY LONG	DH12CD	<i>Duy</i>		8	8	7	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12344077	LÊ THÀNH LỘC	CD12CI	<i>Thành</i>		8	8	8	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	12153197	TÔ THÁI MINH	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	11344035	NGUYỄN KHOA NAM	CD11CI	<i>Khoa Nam</i>		3	3	3	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	12153006	TRƯƠNG HOÀI NAM	DH12CD	<i>Nam</i>		8	8	6	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD	<i>Trọng Nghĩa</i>		8	8	8	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật Trồng cây ăn trái & thủy lợi - 207504

Ngày thi : 16/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút : Phút thi PV325 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
37	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD			8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153067	PHÙNG THÁI	DH12CD			3	6	3	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12153119	ĐỖ THÀNH	DH12CD			8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	09153068	LÊ HOÀI	DH09CD17			8	8	3	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153120	MAI TUẤN	DH12CD			5	7	6	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12153009	NGUYỄN THANH	DH12CD			3	6	3	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153093	HỒ VINH	DH12CD			8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153128	LÊ HỒNG	DH12CD			8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153068	LÊ HOÀNG	DH12CD			8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 05 Hiện diện : 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Công Hòa

Đào Duy Vinh

TS. Nguyễn Huy Bích

Đào Duy Vinh

N.T. Phước

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật Trồng cây ăn trái & thú y kỹ c-207504

Ngày thi : 16/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV333 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lũy	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
1	12153070	VÕ HIỀN	QUẢN	DH12CD	Quen	8	8	7	7.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153130	ĐỖ VĂN	SANG	DH12CD	Đỗ Văn	8	8	7	7.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154236	TRỊNH THANH	SƠN	DH12OT	Trinh	8	8	8	8.0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153131	NGUYỄN NGỌC	TÀI	DH12CD	Nguyễn Ngọc	8	8	6	6.8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118023	THẦN THIÊN	TÂN	DH12CC	Thần Thiên	8	8	8	8.0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	THÁI	DH12CD	Trần Đăng Thông	8	8	7	7.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153136	LÊ VĂN	THÀNH	DH12CD	Lê Văn	8	8	9	8.6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154021	TRẦN VĂN	THẮNG	DH12OT	Trần Văn	6	8	6	6.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153144	LƯU THẾ	THẮNG	DH12CD	Lưu Thế	8	8	5	6.2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153141	TRẦN NGỌC	THẮNG	DH12CD	Trần Ngọc	6	8	7	7.0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137043	BÙI VĂN	THẾ	DH12NL	Bùi Văn	8	8	7	7.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153183	TRẦN THANH	THOÀ	DH12CD	Trần Thanh	8	8	7	7.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153146	NGUYỄN LÝ	THÔI	DH12CD	Nguyễn Lý	6	8	5	5.8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153173	ĐOÀN LÝ	THUYẾT	DH12CD	Đoàn Lý	8	8	6	6.8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153198	PHẠM NGỌC	TỊNH	DH12CD	Phạm Ngọc	2	2	2	2.0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154197	TRẦN NGỌC	TOÀN	DH12OT	Trần Ngọc	6	8	6	6.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154018	NGUYỄN VĂN	TRẠNG	DH12OT	Nguyễn Văn	8	8	8	8.0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12118096	HỒ TRẦN TRUNG	TRÍ	DH12CC	Hồ Trần Trung	8	8	5	6.2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực c-207504

Ngày thi : 16/01/15 Giờ thi : 07g00 - phút Phỏng thi PV333 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số câu	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. xét	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
19	12138130	PHẠM VIỆT	TRUNG	DH12TD	8	8	6	6.8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUẤN	DH12CK	8	8	6	6.8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH12CD	6	8	6	6.4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12137051	PHẠM ANH	TUẤN	DH12NL	8	8	7	7.4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344151	TRẦN HẠNH	TƯỜNG	CD12CI	7	8	6	6.6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153160	PHẠM VĂN	VIỆN	DH12CD	8	8	7	7.4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153164	VŨ XUÂN	VINH	DH12CD	8	8	4	5.6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11138011	HUỶNH MINH	VŨ	DH11CD	3	3	3	3.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153126	TRƯƠNG QUANG	VŨ	DH12CD	6	8	7	7.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154013	LÝ KIM	XÀI	DH12OT	8	8	7	7.4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt:

Cán bộ coi thi 1

Hiệu điểm:

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

A.T. Nam

Ngô Hồng Khoa

TS. Nguyễn Huy Bích

Đào Duy Vinh

N.T. Phúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Điện tử công suất-207510

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD	<i>Ngô</i>		8	7.5	2.0	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	<i>Ngô</i>		9	7.5	5.0	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	<i>Trần</i>		9	9	3.5	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD	<i>Châu</i>		9	8	3.5	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	<i>Trần</i>	2	8	8	8.0	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	<i>Bùi</i>		9	7	3.5	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD	<i>Nguyễn</i>		9	7.5	1.5	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	<i>Nguyễn</i>		9	7.5	2.5	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD	<i>Phạm</i>		9	7	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	<i>Nguyễn</i>		9	2.5	1.0	2.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD17	<i>Nguyễn</i>		9	2.5	7.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09153003	ĐÀO KHẮC DIỄN	DH09CD17	<i>Đào</i>		8	2.5	2.0	3.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD	<i>Lê</i>		9	7.5	7.0	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG DƯƠNG	DH12TD	<i>Nguyễn</i>		8	7	3.0	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Phan</i>	2	9	6.5	6.5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD	<i>Hải</i>		7	8.5	1.5	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	<i>Hảo</i>		9	8	7.5	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD	<i>Hòa</i>		8	8	1.5	4.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Mô n Hợ c : Điện tử công suất-207510

Ngày thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phõ ng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điểm m phã n nguyên	Tổ trò n điểm m phã n lẻ
19	12153037	NGUYỄN AN	HOÀI	DH12CD	An	6	7.5	10	3.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138047	DƯƠNG VĂN	HOAN	DH12TD	Hu	9	7.5	30	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138049	NGUYỄN TRỌNG	HOÀN	DH12TD	Hoan 2	9	7	6.5	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138098	PHAN HUY	HOÀNG	DH12TD	H	8	8	30	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138042	HOÀNG PHI	HÙNG	DH12TD	Phi	9	9.5	2.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138053	VŨ QUANG	HÙNG	DH12TD	Hung	8	7.5	20	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153084	NGUYỄN HOÀNG	HUY	DH12CD	H	✓	✓	✓	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138055	HUỶNH TẤN	HÙNG	DH12TD	Hung	9	9	3.5	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138056	PHẠM NGỌC	KHA	DH12TD	P	✓	✓	✓	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138071	TRẦN VŨ NAM	KHA	DH12TD	Tran	9	7.5	5.5	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138121	LÊ PHÚC	KHÁNH	DH12TD	Phuc	9	9	50	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09153053	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	DH09CD17	Phuc	8	3	30	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138062	TĂNG VŨ	LÂM	DH12TD	W 2	9	7.5	30	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138118	DƯƠNG HỒNG	LĨNH	DH12TD	Linh	8	8	20	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12138072	DƯƠNG VĂN	LỘC	DH12TD	Vachn	9	9	50	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12138069	NGUYỄN BÁ	LỘC	DH12TD	Lu	8	7.5	3.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12153179	ĐÌNH QUANG	LƯỠNG	DH12CD	Luong	8	3.5	50	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153190	LÊ CÔNG	MINH	DH12CD	Minh	0	3.5	50	3.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Điện tử công suất t-207510

Ngày thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
37	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD	<i>Đ.T.M</i>		9	8	5	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD	<i>N.T.M</i>		7	7.5	8.0	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD	<i>B.C.N</i>		8	3.5	5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD	<i>B.V.N</i>		8	6.5	2.5	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12138123	NGUYỄN TÂN	DH12TD	<i>N.T</i>		9	7	2.0	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12138131	LÊ QUANG NGỌC	DH12TD	<i>L.Q.N</i>		9	7	2.0	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153088	ĐẶNG HOÀNG NHIÊN	DH12CD	<i>D.H.N</i>		9	7	3.0	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN	DH12CD	<i>Phat</i>		8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD	<i>T.P</i>		9	7.5	5.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD17	<i>L.H.P</i>		8	2.5	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD	<i>L.H.P</i>		0	9	3.0	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD17	<i>T.T.Q</i>		✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD	<i>Phat</i>		9	7	2.0	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12138091	LÊ VIỆT SƠN	DH12TD	<i>Son</i>		9	6.5	3.0	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD	<i>N.N.T</i>		9	8.5	5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	<i>N.T.T</i>		9	7.5	3.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12153144	LIÊU THẾ THẮNG	DH12CD	<i>L.T.T</i>		9	3.5	2.5	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD	<i>T.T.T</i>		9	8.5	5.5	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Điện tử công suất-207510

Ngày thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điểm m phầ n nguyên	Tổ trò n điểm m phầ n lẻ
55	12153146	NGUYỄN LÝ THÔI	DH12CD	thoi		9	3.5	10	3.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12138129	NGUYỄN CÔNG THUẬN	DH12TD	thuan		9	7.5	5.5	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12153013	TRẦN MINH TIẾN	DH12CD	ti		9	7	5.0	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12153198	PHẠM NGỌC TỊNH	DH12CD	tin		0	8	5.0	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD	toan		8	8	2.5	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12138130	PHẠM VIỆT TRUNG	DH12TD	trung	2	0	7	8.5	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD	tr		9	8.5	5.5	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12138103	PHẠM VĂN TRƯỜNG	DH12TD	tr		9	9.5	6.0	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12138067	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD	trung		9	8.5	7.5	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12138083	BÙI MINH VI	DH12TD	vi		9	8.5	5.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD	thanh		0	3.5	1.0	1.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12138111	NGÔ VĂN VIÊN	DH12TD	vien		8	7	2.0	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	DH12TD	viet		9	7	3.0	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12138007	VŨ QUỐC VINH	DH12TD	vinh		8	7	2.0	4.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12153164	VŨ XUÂN VINH	DH12CD	vinh		9	8	1.0	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD	vu		8	2	2.0	3.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	DH12TD	tu		9	9.5	1.0	4.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12153126	TRƯƠNG QUANG VŨ	DH12CD	quang		9	6.5	3.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : ứng dụng k.thuật số trong ĐKTĐ - 03-207519

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD			9	6,5	7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHINH	DH12TD			6	0	0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DƯƠNG	DH12TD		8	6	0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD			8,6	6	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138046	NGUYỄN THẾ HIỂN	DH12TD			9,5	7,5	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138098	PHAN HUY HOÀNG	DH12TD			8,2	6	6,8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138053	VŨ QUANG HÙNG	DH12TD			6,3	6	6	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD			8,6	8,7	7,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD			✓	✓	✓	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD			✓	✓	✓	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12138123	NGUYỄN TẤN NGHIÊM	DH12TD			5	0	0	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138131	LÊ QUANG NGỌC	DH12TD			8,2	8	9	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138004	HUỖNH QUỲNH	DH12TD			8,6	8,5	8,2	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD			7,7	7	7,8	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD			8,3	7	6	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138005	LÊ THÀNH TRUNG	DH12TD			9	8,5	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : ứng dụng k.thuật số trong ĐKTĐ - 03-207519

CBGD: Lê Văn Bạt (313)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
17	12138130	PHẠM VIỆT	TRUNG	DH12TD		7,6	7	8,8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12138134	VÕ ĐÌNH	TRƯỞNG	DH12TD		7,7	6	8	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	12138083	BÙI MINH	VI	DH12TD		8	7,8	8	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12149092	HOÀNG VĂN	VIẾT	DH12TD		8,3	7	7,8	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	VŨ	DH12TD		8,2	7	7	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

*Chú
Đỗ Văn Bạt*

*Chú
Lê Văn Bạt*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực hành CNC - 01-207601

CBGD: Đà o Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD17						0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09153007	NGUYỄN VĂN HUỠNH	DH09CD17	Nguyễn					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD17	Cường					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153026	PHẠM ĐỨC NHẬT	DH10CD						0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD	Phát					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD	Phú					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11138008	HỒ VĂN HÙNG	DH11CD	Hùng					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD	Lý					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11138011	HUỠNH MINH VŨ	DH11CD	Vũ					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG	DH11CD	Hoàng					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153007	UNG MINH HOÀN	DH11CD	Hoàn					7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153009	VŨ MINH PHƯƠNG	DH11CD	Phương					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD	Tâm					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153016	TRẦN THANH HIẾU	DH11CD	Hiếu					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD	Hùng					7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD	Khái					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD	Hòa					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD	Hùng					8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thực hành CNC - 01-207601

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD	<i>Hau</i>					7.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	11153028	HUỶNH NGOC TIẾN	DH11CD	<i>Tien</i>					8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD	<i>Thanh</i>					7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	11153031	PHAN TRUÔNG THỊNH	DH11CD	<i>Thinh</i>					8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	DH11CD	<i>Tan</i>					8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD	<i>Luan</i>					7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	11153037	PHAN HIỂN THẢO	DH11CD	<i>Thao</i>					8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng:

Hiệu điểm:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

N.T. Phúc

Nguyễn Huy Bích
TS. Nguyễn Huy Bích

Đào Duy Vinh

N.T. Phúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật CAD,CAM,CNC-207603

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
1	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD	<i>Đen</i>		8	8	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	<i>Đen</i>		8	8	9	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11153012	BÙI THÁI CHINH	DH11CD	<i>Đen</i>		8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD17	<i>Đen</i>		6	8	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD	<i>Đen</i>		8	8	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD	<i>Đen</i>		4	8	7	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10153055	ĐOÀN ANH DUY	DH10CD	<i>Đen</i>		4	8	6	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153018	ĐINH PHÚC ĐẠI	DH11CD	<i>Đen</i>		6	8	5	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Đen</i>		8	8	9	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153004	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>Đen</i>		8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD	<i>Đen</i>		8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153016	TRẦN THANH HIẾU ĐẾ	DH11CD	<i>Đen</i>		6	8	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153059	HỒ ANH ĐÔNG	DH12CD	<i>Đen</i>		8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD	<i>Đen</i>		8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138046	NGUYỄN THẾ HIỂN	DH12TD	<i>Đen</i>		8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD	<i>Đen</i>		8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153007	UNG MINH HOAN	DH11CD	<i>Đen</i>		8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD	<i>Đen</i>		6	8	7	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật CAD,CAM,CNC-207603

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD			8	8	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11138008	HỒ VĂN HƯNG	DH11CD			6	8	0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153176	ĐOÀN TỔ HỮU	DH12CD			7	8	8	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHƠN	DH11CD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD			8	8	9	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	DH11CD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11153037	PHAN HIẾN THẢO	DH11CD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD			8	8	9	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD			6	8	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật CAD,CAM,CNC-207603

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phông thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
37	11153028	HUYỀNH NGOC	TIỀN	DH11CD	Thư	8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12153013	TRẦN MINH	TIỀN	DH12CD	Thư	8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	11118009	NGUYỄN THÁI	TINH	DH11CD	Thư	8	8	8	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	11153010	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	DH11CD	Thư	8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đào Duy Vinh


N.T. Phúc


TS. Nguyễn Huy Bích


Đào Duy Vinh


N.T. Phúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình nh-207605

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lời	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (60)	Điểm m T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154223	LÊ CÔNG TUẤN	ANH	DH12OT	<i>Anh</i>	10	4	2.5	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138009	NGÔ HOÀNG	ANH	DH12TD	<i>Ngô</i>	9	7	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137019	NGUYỄN VĂN	BÌNH	DH13NL						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09153043	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	DH09CD17	<i>Tấn</i>	8	9	9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153018	ĐÌNH PHÚC	ĐẠI	DH11CD	<i>Đình</i>	8	6	8	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153060	TRƯƠNG VĂN	DIỄN	DH10CD	<i>Trương</i>	7	5	3	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153059	HỒ ANH	ĐỒNG	DH12CD	<i>Hồ</i>	10	5	4	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153062	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	DH12CD	<i>Đức</i>	10	5	4.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153021	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH11CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153080	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH12CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153175	LƯU GIA	HUÂN	DH12CD	<i>Lưu</i>	9.5	5	4	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118020	NHỮ SỸ	HÙNG	DH13CK	<i>Nhữ</i>	10	5	9	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11138008	HỒ VĂN	HƯNG	DH11CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD	<i>Nông</i>	8	3	2.5	2.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153090	NGUYỄN MINH	KHOẢNH	DH12CD	<i>Minh</i>	10	5	5.5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153190	LÊ CÔNG	MINH	DH12CD	<i>Minh</i>	8	2	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10119027	VÕ TRỌNG	NGHĨA	DH10CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153119	ĐỖ THÀNH	PHÁT	DH12CD	<i>Đỗ</i>	10	5	2	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình - 207605

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC			9	4	25	41	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154238	PHAN VĂN TÂM	DH12OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD			10	5	10	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154186	LỮ MINH TIẾN	DH13OT			10	6	4	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD			9	8	6	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154064	ĐẶNG DUY TRUNG	DH13OT			8	3	3	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118105	NGUYỄN THANH VINH	DH12CC			9	4	3.5	47	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118106	PHẠM VĨNH VŨ	DH12CC			8	3	4	46	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118077	TRẦN THANH VŨ	DH12CC			10	5	6	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiệu diện:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Khoa

Nguyễn Thị Khoa

Nguyễn Thị Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình - 207605

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD204 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi GK	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153140	VÕ VĂN QUỐC	DH12CD	<i>Alan</i>		10	6	6	6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154004	VÕ QUỐC BẢO	DH13OT	<i>Quốc</i>		10	6	5	6.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH13OT	<i>Chi</i>		8	3	2	3.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154006	HOÀNG MINH CHUÔNG	DH13OT	<i>Minh</i>		9.5	✓	6.5	5.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154007	NGUYỄN HUỖNH DUY	DH13OT	<i>Duy</i>		10	4	3	4.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154056	LÂM HỮU ĐẠT	DH12OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	DH11CC	<i>Ngân</i>		8.5	7	5.5	6.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154100	DƯƠNG MINH HẢI	DH13OT	<i>Hải</i>		8	10	10	2.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154104	LÊ HỮU HẢI	DH13OT	<i>Hải</i>		9.5	3	1.5	3.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154108	ĐỖ MINH HIẾU	DH13OT	<i>Hieu</i>		10	2	2	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154123	PHẠM HÙNG	DH13OT	<i>Hung</i>		10	4	2	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154027	NGUYỄN LÊ KHOA	DH13OT	<i>Khoa</i>		10	2	2	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154030	PHẠM VĂN LÂM	DH13OT	<i>Phạm</i>		10	6	2	4.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154139	NGUYỄN ĐỨC LINH	DH13OT	<i>Linh</i>		8.5	6	3	4.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154033	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	DH13OT	<i>Phuoc</i>		9	5	1.5	3.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118058	NGUYỄN TẤN LỘC	DH12CC	<i>Tan</i>		10	5	4.5	5.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD	<i>Nam</i>		6.5	7	4.5	5.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình - 207605

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD204 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
19	13154149	VŨ TẤN	NGA	DH13OT	<i>Zang</i>	10	5	2.5	4.5	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	12118068	VŨ VĂN	NHÂN	DH12CC	<i>nhân</i>	10	2	4.5	5.1	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Vũ Văn Nhân

Nguyễn Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình nh-207605

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phóng thi HD205 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12153088	DẶNG HOÀNG	NHIÊN	DH12CD	20	8	8	8.5	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154044	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	DH13OT	10	5	2.5	4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154045	TĂNG HỒNG	PHÚC	DH13OT	9.5	2	2.5	3.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154158	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	DH13OT	10		1.5	2.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154161	THƯỢNG MINH	QUANG	DH13OT	10		2	3.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ	QUỐC	DH13OT	10	3	4	5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153131	NGUYỄN NGỌC	TÀI	DH12CD	10	3	4	5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153133	NGUYỄN THANH	TÂN	DH12CD	9.5	4	4	5.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153138	ĐOÀN VĂN	THÀNH	DH12CD	10	6	7	7.4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154054	LÊ MINH	THIỆN	DH13OT	8	7	1	3.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153223	TRẦN HỮU	THỌ	DH13CD	8.5	5	4.5	5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154188	NGUYỄN DUY	TRẦN	DH13OT	10	3	3	4.4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154063	TRẦN MINH	TRÍ	DH13OT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154065	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH13OT	10	5	3	4.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13137157	ĐOÀN NHẬT	TÚ	DH13NL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154066	NGUYỄN	TÙNG	DH13OT	9.5	7	3	5.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154208	NGUYỄN THẾ	VIÊN	DH13OT	10	3	2	3.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137160	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	DH13NL						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 002

Trang 2/2

Mã nhận dạng 02508

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học c: Kỹ thuật lập trình-207605

Ngày thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi HD205 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết c	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13154070	NGUYỄN VÕ HOÀNG VŨ	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153126	TRƯƠNG QUANG VŨ	DH12CD			10	3	4	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

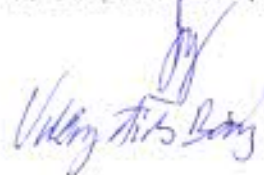
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vũ Thị Bình
Nguyễn Văn Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình nh-207605

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV101 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (30%)	Điểm tổng	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điểm phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm phầ n lẻ
1	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	<i>Ag</i>		8	4	7	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	<i>Anh</i>		8	6	6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	<i>Bh</i>		8	5	6.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138055	NGUYỄN LÊ BÀNG	DH10TD	<i>Bang</i>		8	4	8.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	<i>Binh</i>		8	5	4.5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD	<i>Binh</i>		8	6	7.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118015	NGUYỄN HỮU CHIÊN	DH12CC	<i>Chi</i>		8	7	8.0	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHINH	DH12TD	<i>Chinh</i>		8	6	9.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	<i>Cuong</i>		8	2	7.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD	<i>Cuong</i>		8	2	6.0	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153003	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	DH10CD	<i>Dung</i>		8	3	10	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DH12TD	<i>Hong</i>		8	4	5.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>Da</i>		8	2	5.5	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Dat</i>		8	5	4.5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154017	NGUYỄN VĂN HẬU	DH13OT	<i>Hau</i>		8	2	5.5	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138046	NGUYỄN THẾ HIỂN	DH12TD	<i>Hien</i>		8	8	9.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153174	NGUYỄN KHÁC HÒA	DH12CD	<i>Hoa</i>		8	7	6.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD	<i>Hoa</i>		8	7	6.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình nh-207605

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV101 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
19	12138049	NGUYỄN TRỌNG	HOÀN	DH12TD	<i>Hoàn</i>	8	4	8	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12138042	HOÀNG PHI	HÙNG	DH12TD	<i>Phi</i>	8	6	9.5	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12138053	VŨ QUANG	HÙNG	DH12TD	<i>Hùng</i>	8	2	6.0	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11118001	ĐÀO THANH	HUY	DH11CC	<i>Huy</i>	8	6	4.5	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12138055	HUỖNH TẤN	HÙNG	DH12TD	<i>Huỳnh</i>	8	5	5	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12138056	PHẠM NGỌC	KHA	DH12TD	<i>Phạm</i>	✓	✓			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12138071	TRẦN VŨ NAM	KHA	DH12TD	<i>Trần</i>	8	5	5.0	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12138058	NGUYỄN XUÂN	KHÁ	DH12TD	<i>Xuân</i>	8	8	5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	11153019	LÊ HOÀNG	KHÁI	DH11CD	<i>Hoàng</i>	8	10	9.5	9.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	11137006	TRẦN VĂN	KHANH	DH11CC	<i>Trần</i>	8	7	4.5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12138121	LÊ PHÚC	KHÁNH	DH12TD	<i>Phúc</i>	8	6	5	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12138126	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	DH12TD	<i>Duy</i>	8	5	6.5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	11119001	NGUYỄN NGỌC	LÂM	DH11CC	<i>Ngọc</i>	8	7	5.5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12138118	DƯƠNG HỒNG	LINH	DH12TD	<i>Hồng</i>	8	8	4.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12138069	NGUYỄN BÀ	LỘC	DH12TD	<i>Bà</i>	8	2	6.5	4.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12153179	ĐINH QUANG	LƯƠNG	DH12CD	<i>Quang</i>	8	2	6.5	4.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	11153027	BÙI CÔNG	NAM	DH11CD	<i>Công</i>	8	2	3.0	2.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12153087	HỒ VĂN	NHÂN	DH12CD	<i>Văn</i>	8	5	3.5	4.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Mô n Họ c : Kỹ thuậ t lậ p trậ nh-207605

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi TV101 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyê n	Tổ trò n điể m phầ n lậ
37	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	PHÚC	DH11CC		8	5.5	3.0	4.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	DH12OT		✓	✓			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	12153070	VÕ HIỀN	QUÂN	DH12CD		8	7	3.0	4.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	12138127	PHAN THANH	QUÍ	DH12TD		8	5	5	5.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
41	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	QUÝ	DH11CD		8	7	5.5	6.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	12138004	HUYỀN	QUYNH	DH12TD		8	10	7.5	8.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	12118022	ĐÌNH CÔNG	SƠN	DH12CK		8	9	7	7.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	11119010	KIỀU VĂN THÁI	SƠN	DH11CC		8	4	9	7.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	12138093	NGUYỄN MINH	TÂM	DH12TD		8	8	5	6.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	11154025	TRẦN NHẬT	TÂN	DH11OT		✓	✓			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	12153136	LÊ VĂN	THÀNH	DH12CD		8	2	6.5	4.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	11118006	PHẠM TẤN	THÀNH	DH11CC		8	2	7.5	5.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	12153143	PHẠM QUỐC	THẮNG	DH12CD		8	2	2.5	2.3	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	13137136	TRẦN LONG	THIÊN	DH13NL		✓	✓			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	11118007	LÊ SỸ	THỊNH	DH11CC		8	4	7.5	6.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
52	11118005	MAO THANH	THUẬN	DH11CC		8	5.5	10	8.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	12153173	ĐOÀN LÝ	THUYẾT	DH12CD		8	4	9	7.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	12153013	TRẦN MINH	TIẾN	DH12CD		8	9	10	9.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật lập trình-207605

Ngày Thi : 14/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13154194	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH13OT	Truong	8	9	7.5	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI	TRƯỜNG	DH13TD	Truong	8	10	10	9.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUẦN	DH12CX	Truong	8	9	8	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	10153051	NGUYỄN TRỌNG	TUYẾN	DH10CD	Truong	8	7	5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	12118117	NGUYỄN HUỖNH TÚ	UYÊN	DH12CC	Truong	8	7	7.5	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
60	12149092	HOÀNG VĂN	VIỆT	DH12TD	Truong	8	6	5.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
61	12138006	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	DH12TD	Truong	8	7	8	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
62	12153164	VÕ XUÂN	VINH	DH12CD	Truong	8	9	6	4.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
63	12138008	TRẦN LÊ TUẦN	VŨ	DH12TD	Truong	8	9	9	8.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
64	10138053	NGUYỄN VĂN	VƯƠNG	DH10TD	Truong	8	9	9	8.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 6

Hiện diện : 58

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Phan
Lê Văn Phan

Phan
Lê Văn Phan

Phan
Lê Văn Phan

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Mô n Hợ c : UD tin họ c trong TK và Đ.Khiế n-207606

Ngày y Thi : 15/01/15 Giờ thi: 12g15 - phú t Phò ng thi RD102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyê n	Tô trỏ n điể m phầ n lẻ
						25%	25%	50%			
1	12153140	VÕ VĂN QUỐC ANH	DH12CD	<i>Anh</i>		4	9	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD	<i>Giac</i>		7	9	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD	<i>Buu</i>		7	9	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD	<i>Canh</i>		10	9	7	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD	<i>Chung</i>		4	6	6	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠNG	DH12CD	<i>Chuong</i>		5	9	8	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD	<i>Chi</i>		7	9	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD17	<i>Tan</i>		7	9	7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	<i>Danh</i>		5	9	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09153003	ĐÀO KHẮC DIỄN	DH09CD17	<i>Dien</i>		0	8	7	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD	<i>Van</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD	<i>Huu</i>		5	4	6	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>Dat</i>		5	0	6	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153167	TRƯƠNG PHÁT ĐẠT	DH12CD	<i>Dat</i>		5	9	9	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỀN	DH10CD	<i>Dien</i>		5	7	10	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD	<i>Hanh</i>		5	7	8	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD	<i>Hoa</i>		5	8	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD	<i>Hoa</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : UD tin học trong TK và Đ.Khiến n-207606

Ngày Thi : 15/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi RD102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
						25%	25%	50%			
19	12153079	VÕ VĂN HUY	HOÀNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>	10	9	9	9,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11153024	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH11CD	<i>[Signature]</i>	10	6	9	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12153084	NGUYỄN HOÀNG	HUY	DH12CD	<i>[Signature]</i>					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	09153007	NGUYỄN VĂN	HUYNH	DH09CD17	<i>[Signature]</i>	7	4	9	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khóa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Trần Thị Kim Nga

[Signature]
Vũ Thị Bình

[Signature]
Trần Thị Kim Nga

[Signature]
Nguyễn Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Mô hình học : UD tin học trong TK và Đ.Khiến n-207605

Ngày Thi : 15/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (%) 25%	D 2 (%) 25%	Điểm thi 50%	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12153046	VŨ QUANG	HƯNG	DH12CD	<i>hũ</i>	4	9	6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD	<i>At</i>	5	5	6	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	DH12CD	<i>Trần</i>	7	9	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09153053	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	DH09CD17	<i>Phùng</i>	0	9	7	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153090	NGUYỄN MINH	KHOẢNH	DH12CD	<i>Khánh</i>	5	9	8	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153197	TÔ THÁI	MINH	DH12CD	<i>Trần</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153086	TRẦN ĐÌNH	MINH	DH12CD	<i>Trần</i>	5	6	8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153027	BÙI CÔNG	NAM	DH11CD	<i>Bùi</i>	5	5	9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153106	BÙI VIỆT	NAM	DH12CD	<i>Bùi</i>	5	9	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153006	TRƯƠNG HOÀI	NAM	DH12CD	<i>Trương</i>	5	4	7	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153008	LÊ TRỌNG	NGHĨA	DH12CD	<i>Lê</i>	7	9	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153087	HỒ VĂN	NHÂN	DH12CD	<i>Hồ</i>	5	5	9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153114	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	DH12CD	<i>Nguyễn</i>	10	0	7	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153119	ĐỖ THÁNH	PHÁT	DH12CD	<i>Đỗ</i>	5	9	9	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09153068	LÊ HOÀI	PHONG	DH09CD17	<i>Lê</i>	5	7	9	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153009	NGUYỄN THANH	PHONG	DH12CD	<i>Nguyễn</i>	6	9	9	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153128	LÊ HỒNG	PHÚC	DH12CD	<i>Lê</i>	7	9	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153068	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	DH12CD	<i>Lê</i>	7	9	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : UD tin học trong TK và Đ.Khiếu n-207606

Ngày thi : 15/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điểm phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm phầ n lẻ
						25%	25%	50%			
19	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD17	<i>rang</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	<i>pc</i>		5	4	7	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD	<i>B</i>		10	9	9	9,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153081	TRẦN ĐẶNG THÔNG	DH12CD	<i>Th</i>		5	8	8	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153138	ĐOÀN VĂN THÁNH	DH12CD	<i>Do</i>		6	5	7	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD	<i>Trng</i>		7	9	10	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD	<i>vang</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD	<i>Thng</i>		5	9	8	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD	<i>Id</i>		5	5	7	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD	<i>pc</i>		5	5	9	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD	<i>-x</i>		5	9	8	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD	<i>cu</i>		10	9	9	9,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153157	NGUYỄN ANH TUẤN	DH12CD	<i>Kan</i>		7	9	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10153051	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DH10CD	<i>Th</i>		5	9	7	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	09153085	NGUYỄN PHONG VŨ	DH09CD17	<i>nu</i>		7	9	10	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153126	TRƯƠNG QUANG VŨ	DH12CD	<i>Qu</i>		5	9	9	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiệu n điểm n:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhận n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Trần Thị Hương

Vũ Thị Hương

Trần Thị Hương

Ngô Thị Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Kỹ thuật ROBOT 2-207609

Ngày thi : 16/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD203 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	11153006	HUYNH VŨ	AN	DH11CD	1	7	9	3.5	5.9	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153012	BÙI THÁI	CHINH	DH11CD	1	8	8.5	3.0	5.7	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11138013	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	DH11CD	1	4	10	4.5	6.1	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153003	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	DH10CD	1	1	9	5.0	5.4	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153055	ĐOÀN ANH	ĐUY	DH10CD	1	5	9	2.0	4.7	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153018	ĐÌNH PHÚC	ĐẠI	DH11CD	1	5	8	3.0	4.9	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153038	LÊ HẢI	ĐĂNG	DH11CD	1	4	9.5	4.5	5.9	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153016	TRẦN THANH HIẾU	ĐẾ	DH11CD	1	7	8.5	5.0	6.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11137002	LÊ NGỌC	ĐỨC	DH11CD	1	9	9	6.5	7.8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153026	PHAN TRUNG	HẬU	DH11CD	1	5	9	5.0	6.2	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153021	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH11CD	2	8	10	4.0	6.6	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153007	UNG MINH	HOAN	DH11CD	1	8	9	5.0	6.8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153017	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH11CD	1	8	10	4.0	6.6	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153024	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH11CD	1	1	8	5.5	5.4	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11138008	HỒ VĂN	HƯNG	DH11CD						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11137008	ĐĂNG PHÚC	LỘC	DH11CD	1	9	9	2.5	5.8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153036	NGUYỄN HỮU	LUÂN	DH11CD	1	6	9	10	8.9	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11138009	PHẠM MINH	LÝ	DH11CD	1	4	10	6.0	6.8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Mô n Hơ c : Kĩ thuậ t ROBOT 2-207609

Ngày Thi : 16/01/15 Giờ thi: 09g30 - phú t

Phò ng thi RD203

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyên n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
						20	30	50			
19	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHON	DH11CD	<i>Chia</i>	1	7	9	6.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD	<i>thư</i>	1	8	9.5	4.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD	<i>phương</i>	1	8	9	3.0	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD17							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	QUÝ	<i>Phu</i>	1	1	9.5	4.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD	<i>lm</i>	1	8	8.5	10	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	DH11CD	<i>pham</i>	1	4	8.5	8.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD	<i>pham</i>	1	9	9	10	9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD	<i>pham</i>	1	4	9.5	4.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD	<i>pham</i>	1	7	8.5	5.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD	<i>pham</i>	1	8	10	6.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD	<i>pham</i>	1	4	9	1.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11153028	HUỖNH NGỌC TIẾN	DH11CD	<i>pham</i>	1	2	9.5	5.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11118009	NGUYỄN THÁI TỈNH	DH11CD	<i>pham</i>	1	7	9	4.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD	<i>pham</i>	1	7	8	5.5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10153051	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DH10CD	<i>pham</i>	1	3	9	4.5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11138011	HUỖNH MINH VŨ	DH11CD	<i>pham</i>	1	7	8	3.5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	09153085	NGUYỄN PHONG VŨ	DH09CD17	<i>pham</i>	1	2	9	6.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số - 207610

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	<i>Trần Đức Anh</i>		9	9	4	65	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD	<i>Châu Thái Bảo</i>		2	6	4	40	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	<i>Bùi Văn Bảo</i>		9	6	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	<i>Nguyễn Tiểu Bình</i>		9	6	4	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12138025	PHẠM THANH BÌNH	DH12TD	<i>Phạm Thanh Bình</i>		7	6	6	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD	<i>Hứa Thanh Chung</i>		9	6	4	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	<i>Nguyễn Cường</i>		2	6	3	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD	<i>Nguyễn Chí Cường</i>		8	6	4	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD	<i>Trần Văn Cường</i>		8	9	3	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD	<i>Le Đức Duy</i>		7	9	4	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD	<i>Hồ Hữu Đạt</i>		2	6	6	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12138068	LÊ HOÀNG ĐÚ	DH12TD	<i>Le Hoàng Du</i>		7	7	9	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD	<i>Nguyễn Văn Đức</i>		7	7	8	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12138117	NGUYỄN VĂN HÀO	DH12TD	<i>Nguyễn Văn Hào</i>		8	6	3	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD	<i>Hoàng Phi Hùng</i>		9	9	3	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12138055	HUỲNH TẤN HÙNG	DH12TD	<i>Huỳnh Tấn Hùng</i>		9	6	2	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12138071	TRẦN VŨ NAM KHA	DH12TD	<i>Trần Vũ Nam Kha</i>		7	9	4	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12138121	LÊ PHÚC KHÁNH	DH12TD	<i>Le Phúc Khanh</i>		7	7	4	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số -207610

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12138062	TẶNG VÕ LÂM	DH12TD	<i>LO</i>		9	9	10	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD	<i>Linh</i>		9	9	4	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138066	ĐẶNG TIẾU LONG	DH12TD	<i>Long</i>		7	9	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD	<i>Loc</i>		7	7	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138069	NGUYỄN BÀ LỘC	DH12TD	<i>Loc</i>		7	7	8	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153179	ĐÌNH QUANG LƯỜNG	DH12CD	<i>Luong</i>		7	6	4	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD	<i>Mỹ</i>		7	9	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153006	TRƯƠNG HOÀI NAM	DH12CD	<i>Nam</i>		2	6	4	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD	<i>Nhan</i>		8	7	4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138004	HUYỀN QUỲNH	DH12TD	<i>Quynh</i>		8	7	10	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138091	LÊ VIỆT SƠN	DH12TD	<i>Son</i>		9	9	4	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thanh</i>		9	7	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Th</i>		9	7	10	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153146	NGUYỄN LÝ THỜI	DH12CD	<i>Thoi</i>		2	6	3	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD	<i>Truong</i>		8	6	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12138104	PHẠM VĂN TUẤN	DH12TD	<i>Tuan</i>		8	6	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD	<i>Vi</i>		7	6	2	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12138111	NGÔ VĂN VIÊN	DH12TD	<i>Vien</i>		9	9	3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số -207610

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 502	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
37	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIẾT	DH12TD			7	6	4	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12138007	VÕ QUỐC VINH	DH12TD			7	9	10	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	12153164	VÕ XUÂN VINH	DH12CD			2	6	4	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD			3	0	2	1,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 00 Hiện diện : 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Trần Văn Nghĩa

Võ Đình Bình

Trần Thị Kim Nga

Nguyễn Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết mô hình và tổ lập-207611

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12153027	LÊ DỨC ANH	DH12CD			10	7	1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD			10	7	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD			10	7	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD			10	7	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD			10	8	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD			10	7	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD			10	7	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD			10	8	0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD			10	7	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153065	TRẦN VĂN HẠNH	DH12CD			10	8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD			10	8	4,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD			10	7	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09153007	NGUYỄN VĂN HUỖNH	DH09CD17			10	8	0,5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153046	VŨ QUANG HƯNG	DH12CD			10	7	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD			10	7	1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153074	TRẦN TRỌNG KHIÊM	DH12CD			10	7	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153090	NGUYỄN MINH KHOẢNH	DH12CD			10	7	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153179	ĐINH QUANG LŨNG	DH12CD			10	8	0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Lý thuyết môn Hí nh và tồ i ưu-207611

Ngày Thi : 12/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV333 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyên n	Tô trỏ n điể m phầ n lẻ
19	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD			10	7	1	3,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD			10	7	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD			10	7	5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD			10	7	5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD17			10	7	1	3,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD			10	7	1	3,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD			10	8	1	3,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD			10	7	6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD			10	7	6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD			10	7	6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD			10	8	6,5	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD			10	8	7,5	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD			10	8	7,5	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12153194	ĐẶNG MINH TRỌN	DH12CD			10	7	3	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD			10	7	8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng ng: 0 Hiệ n điể n: 33

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Lê Tường

TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số 207615

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - - phút Phò ng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	30	60			
1	13118071	MAI CÔNG ANH	DH13CK	<i>MC</i>	1	8	7	4.0	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT	<i>CTA</i>	1	8	8	6.5	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118080	NGUYỄN PHÚC BAO	DH13CC	<i>NPB</i>	1	8	8.5	4.0	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153043	PHAN NGỌC CAO	DH13CD	<i>PC</i>	1	10	9.5	10	9.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD	<i>CTC</i>	1	8	9.5	7.0	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT	<i>NC</i>	1	9	9	8.0	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH12OT	<i>LMC</i>	1	8	7	5.5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153059	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH13CD	<i>QD</i>	1	8	8	4.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH12OT	<i>CTD</i>	1	8	9	7.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118095	LƯU TRẦN TẤN DUY	DH13CK	<i>LT</i>	1	7	8.5	7.0	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118096	MAI THÀNH DUY	DH13CC	<i>MTD</i>	1	8	8.5	7.0	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153003	PHẠM TRẦN ANH DUY	DH13CD	<i>PTAD</i>	1	8	8	7.0	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118113	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH13CC	<i>PTD</i>	1	7	8	7.0	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>TVĐ</i>	1	9	7	6.5	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153006	NGUYỄN TAM ĐỨC	DH13CD	<i>NTD</i>	1	7	8	5.0	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154004	HỒ ĐỨC HANH	DH12OT	<i>HD</i>	1	8	8.5	6.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153086	DƯƠNG MINH HẢO	DH13CD	<i>DMH</i>	1	8	9.5	6.0	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153168	PHAN PHỤNG HIỆP	DH12CD	<i>PPH</i>	1	9	7	7.0	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số - 207615

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154005	LÊ TÂN	ĐH12OT		1	8	9.5	8.0	8.5		
20	13153106	NGUYỄN HUY	ĐH13CD		1	8	8	7.0	7.4		
21	12154087	MÃ NHẬT	ĐH12OT		1	7	7	2.0	4.0		
22	13153122	MAI ĐỨC	ĐH13CD		1	7	9	9.0	8.8		
23	12154117	NGUYỄN DUY	ĐH12OT		✓	✓	✓	✓	✓		
24	12153092	NGUYỄN ANH	ĐH12CD		1	7	7	7.0	7.0		
25	13118023	ĐOÀN NGUYỄN ANH	ĐH13CC		1	6	7	7.0	6.9		
26	12154237	NGUYỄN CHÁNH	ĐH12OT		1	8	8	6.5	7.1		
27	13118202	NGUYỄN TÂN	ĐH13CC		1	7	8.5	8.0	8.1		
28	11154042	NGÔ HOÀNG	ĐH11OT		1	9	8	6.0	6.9		
29	13154039	NGUYỄN VĂN	ĐH13OT		1	6	7	5.0	5.7		
30	13118220	NGUYỄN NGỌC	ĐH13CC		1	7	9.5	5.5	6.9		
31	12154146	PHAN TRỌNG	ĐH12OT		1	6	9.5	7.5	8.0		
32	11154046	NGUYỄN TRỌNG	ĐH11OT		1	8	8	6.5	7.1		
33	12154152	NGUYỄN TÂN	ĐH12OT		1	9	9	9.0	9.0		
34	13153170	LÊ MINH	ĐH13CD		1	9	7	4.0	5.4		
35	12154194	NGUYỄN HỮU	ĐH12OT		1	8	9.5	9.0	9.1		
36	13153017	HỒ VĂN	ĐH13CD		1	7	9.5	7.0	7.8		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số - 207615

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10%	30%	60%			
37	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT	<i>Chanh</i>	1	8	9	8.0	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13153019	PHAN VĂN SINH	DH13CD	<i>Sinh</i>	1	9	9.5	6.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13154167	NGUYỄN TRẦN ANH	DH13OT	<i>Anh</i>	1	8	7	3.0	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13153021	CAO THANH TÂN	DH13CD	<i>Tan</i>	1	9	8	4.0	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT	<i>Tan</i>	1	7	7	6.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CK	<i>Tat</i>	1	8	7	7.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thanh</i>	1	8	7	6.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH12OT	<i>Thanh</i>	1	8	9	8.0	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH12OT	<i>Thanh</i>	1	8	7	7.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13153219	TÔN THẮT THIÊN	DH13CD	<i>Thien</i>	1	7	9	6.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT	<i>Thien</i>	1	7	7	7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13153223	TRẦN HỮU THỌ	DH13CD	<i>Tho</i>	1	6	7	6.5	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13153222	TRƯƠNG PHI THOÀN	DH13CD	<i>Phi</i>	1	7	9	6.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD	<i>Phan</i>	1	8	7	5.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH12OT	<i>Toan</i>	1	8	7	7.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT	<i>Tong</i>	1	8	9.5	5.0	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13153243	NGUYỄN LÊ MINH TRÍ	DH13CD	<i>Tri</i>	1	8	9.5	7.5	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13153244	NGUYỄN THANH TRÍ	DH13CD	<i>Tri</i>	1	8	9.5	7.0	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số L207615

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13118344	BÙI VĂN TÚ	DH13CC		1	8	9.5	70	7.9	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN	DH12OT		1	7	9.5	7.5	8.1	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	12118108	LÊ QUANG	DH12CK		1	8	7	6.0	6.5	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	13154207	VÕ THANH VÂN	DH13OT		1	8	7	8.5	8.0	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	13153275	LÊ VĂN VŨ	DH13CD		1	7	9	9.0	8.8	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 1

Hiệu điểm : 58

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.T. Phuc

Phan Minh Hien

Th.S. Vuong Anh Tien

Th.S. Nguyen Tan Phuc

Tran Tac Kim Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số-207615

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
1	13153034	PHẠM NHẬT ANH	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	10	9,0	8,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153036	NGUYỄN XUÂN ẤT	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	8,0	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153002	KIM THANH BACH	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	4,0	8,5	7,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153038	THÁI QUANG BẢO	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	10	8,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118081	TRẦN THẾ BÌNH	DH13CC	<i>[Signature]</i>	✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118101	ĐOÀN QUỐC DŨNG	DH13CC	<i>[Signature]</i>	1	7,0	8,0	8,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153054	LÂM THÁI DUY	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	6,0	8,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153004	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	9,5	8,5	3,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153076	LÊ KHẢI ĐỊNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	6,0	8,5	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153077	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118121	NGUYỄN DOÃN ĐỨC	DH13CX	<i>[Signature]</i>	1	6,0	5,0	3,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153007	PHẠM TIẾN ĐỨC	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	3,0	8,0	5,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118120	TRẦN CƯ ĐƯỢC	DH13CC	<i>[Signature]</i>	1	5,0	8,0	8,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	1,0	7,0	3,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118146	NGUYỄN QUỐC HÒA	DH13CC	<i>[Signature]</i>	1	6,0	8,0	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153108	BÀN THẾ HỒNG	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	5,0	8,0	2,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118152	BÙI VĂN HƠI	DH13CC	<i>[Signature]</i>	1	9,0	8,0	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153110	DOÃN ĐỨC HUY	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	1,0	8,0	7,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số i-207615

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	13153115	NGUYỄN PHÚC HUY	DH13CD	<i>B</i>	1	9,0	8,5	8,5	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118170	HUYỀN MINH KHA	DH13CC	<i>Kha</i>	1	7,0	8,5	9,5	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153129	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHOA	DH13CD	<i>Khoa</i>	1	10	9,0	5,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH12OT	<i>Kiệt</i>	1	5,0	8,0	6,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153138	TRẦN QUANG KỶ	DH13CD	<i>✓</i>	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH12OT	<i>Lâm</i>	1	4,0	8,0	7,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153144	TRƯƠNG VĂN LÊ	DH13CD	<i>Le</i>	1	9,0	9,5	9,0	9,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118026	NGUYỄN HOÀNG LINH	DH13CC	<i>Linh</i>	1	6,0	8,5	5,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153011	CHU VĂN LONG	DH13CD	<i>Long</i>	1	6,0	8,5	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153012	NGUYỄN HỮU LỘC	DH13CD	<i>Loc</i>	1	9,0	8,0	9,5	9,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154239	NGUYỄN VĂN LUẬN	DH12OT	<i>Luon</i>	1	1,0	5,0	3,5	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153014	TRỊNH ĐÌNH MINH	DH13CD	<i>Minh</i>	1	5,0	8,5	7,5	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2

Hiệu điểm : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Quang Hiền

Ca Diên Lợi

Lô Văn Bân

Quang Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số - 207615

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
							20	20	60%			
1	12153008	LÊ TRỌNG	NGHĨA	DH12CD	<i>Cyke</i>	1	4,0	9,0	7,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154163	ĐÀO THANH	PHƯỚC	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	10	8,0	7,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153196	THÂN VĂN	QUYẾT	DH13CD	<i>Quyet</i>	1	9,0	9,0	9,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153197	DƯƠNG	QUYNH	DH13CD	<i>Duong</i>	1	7,0	8,0	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153202	NGUYỄN TÂN	SỸ	DH13CD	<i>Tan</i>	1	8,0	8,5	9,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH	TÀI	DH13CC	<i>Tai</i>	1	9,0	8,0	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154021	TRẦN VĂN	THẮNG	DH12OT	<i>Thy</i>	1	5,0	7,5	5,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153213	NGUYỄN HỒNG	THẮNG	DH13CD	<i>Hong</i>	1	7,0	8,0	10	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153141	TRẦN NGỌC	THẮNG	DH12CD	<i>Thy</i>	1	7,0	9,0	5,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153016	VÕ CAO	THẮNG	DH12CD		✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153215	HÀN VĂN	THI	DH13CD	<i>Han</i>	1	9,0	8,0	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153216	LÊ BÙU	THI	DH13CD	<i>Phuoc</i>	1	9,0	9,0	7,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153224	LÊ TỰ QUỐC	THÔNG	DH13CD	<i>Quoc</i>	1	10	9,0	8,5	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118294	ĐỖ THANH	TIẾN	DH13CC		✓					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153229	LÊ QUYẾT	TIẾN	DH13CD	<i>Quyet</i>	1	5,0	7,5	6,0	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153232	NGUYỄN THÀNH	TIẾN	DH13CD	<i>Thy</i>	1	7,0	8,0	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118056	VÕ ĐỨC	TIẾN	DH13CC	<i>Tai</i>	1	3,0	8,0	3,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153238	MAI THANH	TÌNH	DH13CD	<i>Mai</i>	1	6,0	8,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số 207615

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13153285	NGUYỄN QUANG	TRUNG	DH13CD	1	8,0	8,0	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153245	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	DH13CD	1	4,0	8,5	5,0	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153251	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	DH13CD	1	5,0	8,0	4,5	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118333	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH13CC	1	5,0	8,5	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154011	LÊ PHÚ	TÙNG	DH12OT	1	7,0	8,5	9,0	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154241	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	DH12OT	1	3,0	7,0	0,0	2,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118342	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	DH13CC	1	6,0	8,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153261	TRƯƠNG VĂN	TUY	DH13CD	1	6,0	8,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118347	MAI HOÀI	TỰU	DH13CC	1	3,0	8,0	6,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153268	NGUYỄN CAO	VĂN	DH13CD	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153029	TRẦN VĂN	VỊ	DH13CD	1	4,0	7,0	2,0	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153280	LƯƠNG TRUNG	VƯỢNG	DH13CD	1	3,0	7,0	3,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 03

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Thị Nam

Trương Văn Tuấn

Lo Văn Sơn

Lê Quang Hoàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thiết kế hệ thống cơ điện tử - 207616

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi RD302 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11153006	HUYỀN VŨ	AN	DH11CD	Quang	1	8	8	4.5	6.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
2	11153012	BÙI THÁI	CHÍNH	DH11CD	Châu	1	6	8.5	3.5	5.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
3	11138013	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	DH11CD	Trần	1	7.5	10	6.0	7.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
4	10153055	ĐOÀN ANH	DUY	DH10CD	Đoàn	1	0	9	4.0	4.7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
5	11153018	ĐÌNH PHÚC	ĐẠI	DH11CD	Đình	1	6.5	8	5.0	6.2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
6	11153038	LÊ HẢI	ĐĂNG	DH11CD	Le	1	8.5	9.5	6.0	7.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
7	11153016	TRẦN THANH HIẾU	ĐẾ	DH11CD	Thanh	1	8	8.5	6.5	7.4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
8	11137002	LÊ NGỌC	ĐỨC	DH11CD	Nguyen	1	8.5	9	4.0	6.4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
9	11153026	PHAN TRUNG	HÀU	DH11CD	Phan	1	8.5	9	5.0	6.9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
10	11153021	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH11CD	Nguyen	1	7.5	10	4.0	6.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
11	11153007	UNG MINH	HOÀN	DH11CD	Ung	2	8.5	9	7.0	7.9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
12	11153017	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH11CD	Nguyen	1	4	10	3.0	5.3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
13	11153024	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH11CD	Nguyen	1	2	8	3.0	4.3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
14	11138008	HỒ VĂN	HÙNG	DH11CD							(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
15	11137008	ĐẶNG PHÚC	LỘC	DH11CD	Phuoc	1	7	9	4.5	6.4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
16	11138009	PHẠM MINH	LÝ	DH11CD	Pham	1	5.5	10	7.0	7.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
17	11153008	NGUYỄN ĐÌNH	NHON	DH11CD	Nguyen	1	7	9	2.0	5.1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)
18	11137001	NGUYỄN MINH	PHÁT	DH11CD	Nguyen	1	4	9.5	5.0	6.2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thiết kế hệ thống cơ điện tử -207616

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi RD302 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20%	30%	50%			
19	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD	<i>phuong</i>	1	5.5	9	3.5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD	<i>phuc</i>	1	5.5	9.5	3.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD	<i>lm</i>	1	8	8.5	6.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	DH11CD	<i>tan</i>	1	6	8.5	3.0	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD	<i>thanh</i>	1	8	9	8.0	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD	<i>thao</i>	1	6	9.5	7.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD	<i>thinh</i>	1	8	8.5	4.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD	<i>thong</i>	1	8.5	10	4.0	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11153028	HUỖNH NGỌC TIẾN	DH11CD	<i>tiens</i>	1	4.5	9.5	7.0	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CD	<i>thai</i>	1	8.5	90	5.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD	<i>toan</i>	1	5.5	8	3.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11138011	HUỖNH MINH VŨ	DH11CD	<i>vu</i>	1	5.5	8	4.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 02 Hiện diện: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S Nguyễn Tân Phúc

Nguyễn Khoa

Th. Vương Xuân Tiến

Th.S Nguyễn Tân Phúc

Trần Thị Kim Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Thực tập xử lý nghiệp vụ - 01-207618

CBGD: Đà o Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m. T. kết t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	08153021	TRẦN THANH QUẤT	DH08CD17							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09153007	NGUYỄN VĂN HUỠNH	DH09CD17	<i>Nguyễn Văn Huỳnh</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD17	<i>Lê Hoài Phong</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09153085	NGUYỄN PHONG VŨ	DH09CD17	<i>Nguyễn Phong Vũ</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153051	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DH10CD	<i>Nguyễn Trọng Tuyển</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153056	HOÀNG VĂN MỸ	DH10CD	<i>Hoàng Văn Mỹ</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CD	<i>Nguyễn Thái Tình</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD	<i>Nguyễn Minh Phát</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD	<i>Lê Ngọc Đức</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD	<i>Đặng Phúc Lộc</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11138008	HỒ VĂN HƯNG	DH11CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD	<i>Phạm Minh Lý</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD	<i>Trần Mạnh Cường</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD	<i>Nguyễn Lê Hoàng Thông</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153006	HUỠNH VŨ AN	DH11CD	<i>Huỳnh Vũ An</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153007	UNG MINH HOÀN	DH11CD	<i>Ung Minh Hoàn</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHƠN	DH11CD	<i>Nguyễn Đình Nhơn</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Thực tập xi nghiệp p - 01-207618

CBGD: Đà o Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD	<i>Minh</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD	<i>Quoc</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	11153012	BÙI THÁI CHINH	DH11CD	<i>Chinh</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD	<i>Van</i>					8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	11153016	TRẦN THANH HIỂU	DH11CD	<i>Thanh</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD	<i>Hung</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	11153018	ĐINH PHÚC	DH11CD	<i>Phuc</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD	<i>Hoa</i>					8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD	<i>Hung</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD	<i>Hau</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD	<i>Nam</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	11153028	HUỲNH NGỌC TIẾN	DH11CD	<i>Tien</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD	<i>Thanh</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD	<i>Thinh</i>					8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	DH11CD	<i>Tan</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD	<i>Luan</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD	<i>Thao</i>					8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	11153038	LÊ HÁI ĐĂNG	DH11CD	<i>Dang</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn học : Thực tập xi nghiệp p - 01-207618

CBGD: Đà o Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12153004	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153033	NGUYỄN TIÊU BÌNH	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD	<i>Hành</i>				7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153070	VÕ HIỀN QUÂN	DH12CD	<i>Ban</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153123	THIẾU DUY TÙNG	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD	<i>Phúc</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12153176	ĐOÀN TỔ HỮU	DH12CD	<i>Hữu</i>				8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153197	DƯƠNG QUYNH	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

N.T. Phúc

Bách
TS. Nguyễn Huy Bích

Đào Duy Vinh

N.T. Phúc